

ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC- THẠC SĨ NGÀNH: CÔNG NGHỆ DỆT, MAY

	Tên ngành	Mã số ngành	Khoa quản lý ngành
Ngành Đại học	Kỹ thuật Dệt	7520312	Cơ khí
Ngành Thạc sĩ	Công nghệ Dệt,May	8540204	Cơ khí

1. Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Kỹ thuật Dệt :

Ký hiệu nhóm kiến thức:

Ký hiệu	Ý nghĩa
KHTN	Toán & Khoa học tự nhiên
CT	Chính trị, Kinh tế, Văn hóa, Xã hội
GDQP	Giáo dục quốc phòng
GDTC	Giáo dục thể chất
NN	Ngoại ngữ
CSN	Cơ sở ngành/Nhóm ngành
CN BB	Chuyên ngành bắt buộc
CN TC	Chuyên ngành tự chọn
TC	Tự chọn tự do (không yêu cầu phải trong chuyên ngành)
TTTN	Thực tập tốt nghiệp
LVTN	Luận văn tốt nghiệp

❖ Năm học I: 39 TC

Học kỳ 1 – 19 TC			Học kỳ 2 – 20 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Anh văn 1	2	NN	Đại số tuyến tính	3	KHTN
Giải tích 1	4	KHTN	Anh văn 2	2	NN
Giáo dục quốc phòng	0	GDQP	Giải tích 2	4	KHTN
Giáo dục thể chất 1	0	GDTC	Giáo dục thể chất 2	0	GDTC
Nhập môn về kỹ thuật	3	CSN	Thí nghiệm vật lý	1	KHTN
Vật lý 1	4	KHTN	Vật lý 2	4	KHTN
Hóa đại cương	3	KHTN	Kỹ thuật điện	3	CSN
Nhập môn về lập trình	3	CSN	Cơ sở công nghệ dệt may	3	CSN

❖ Năm học II: 39 TC

Học kỳ 3 – 19 TC			Học kỳ 4 – 20 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Cơ khí đại cương	3	CSN	Anh văn 4	2	NN
Vẽ kỹ thuật	3	KHTN	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-LêNin	5	CT
Anh văn 3	2	NN	Phương pháp tính	3	KHTN
Giáo dục thể chất 3	0	GDTC	Khoa học vật liệu dệt	4	CSN
Môi trường và con người	3	CSN	Thực tập kỹ thuật	3	CN
Xác suất thống kê	3	CSN	Công nghệ sợi 1	3	CN
Tin học trong dệt may	2	CSN			
Polymer dệt	3	CSN			

❖ Năm học III: 37 TC

Học kỳ 5 – 19 TC			Học kỳ 6 – 18 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
<i>Quản lý sản xuất (*)</i>	3	CSN	Đường lối cách mạng ĐCSVN	3	CT
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CT	<i>Thiết bị sợi dệt (*)</i>	3	CN
Cơ học máy	4	CSN	<i>Hóa học thuốc nhuộm (*)</i>	3	CN
Công nghệ dệt thoi	3	CN	Công nghệ dệt kim	3	CN
Công nghệ sợi 2	4	CN	Công nghệ in nhuộm	3	CN
<i>Công nghệ không dệt (*)</i>	3	CN	Thực tập tốt nghiệp	3	CN

(*): Khối kiến thức/môn học đại học được xét miễn khi học khối kiến thức/môn học Thạc sĩ. Xem bảng trong mục 3.

❖ Năm học IV: 27 TC

Học kỳ 7 – 15 TC			Học kỳ 8 – 12 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Đo lường và đảm bảo chất lượng	3	CN	Tự chọn 3	3	CT
Pháp luật đại cương	2	CT	Luận văn tốt nghiệp	9	CN
Tự chọn 1	3	CN			
Tự chọn 2	3	CN			
Đồ án môn học	1	CN			
<i>Cấu trúc vải (*)</i>	3	CN			
Đề cương luận văn tốt nghiệp	0	CN			

Các môn tự chọn Vật liệu dệt hiệu năng cao (*) Sản phẩm dệt sinh thái Tái chế vật liệu dệt Hóa phân tích dệt Cấu trúc sợi Công nghệ tiền xử lý Công nghệ hoàn tất vải (*) Thiết bị nhuộm in			Các môn tự chọn Vật liệu dệt hiệu năng cao (*) Sản phẩm dệt sinh thái Tái chế vật liệu dệt Hóa phân tích dệt Cấu trúc sợi Công nghệ tiền xử lý Công nghệ hoàn tất vải (*) Thiết bị nhuộm in
---	--	--	---

(*): Khối kiến thức/môn học đại học được xét miễn khi học khối kiến thức/môn học Thạc sĩ. Xem bảng trong mục 3.

2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Công nghệ dệt may (mã ngành 8540204).

Ký hiệu nhóm kiến thức:

Ký hiệu	Ý nghĩa
KTBS	Kiến thức bổ sung
KTC BB	Kiến thức chung bắt buộc
KTC TC	Kiến thức chung tự chọn
KTCN BB	Chuyên ngành bắt buộc
KTCN TC	Chuyên ngành tự chọn
LVThS	Luận văn thạc sĩ

❖ Năm học I: 21 TC

Học kỳ 1 – 9 TC			Học kỳ 2 – 12 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Triết học	3	CT	Kỹ thuật dệt hiện đại	3	KTCN-BB
Các môn học chung	6	KTC	Kiểm định và đánh giá trong dệt may	3	KTCN-BB
Đề cương luận văn	0	LV	Tự chọn 1	3	KTCN-TC
Khối kiến thức bắt buộc ví dụ (*)	6	KTBB	Tự chọn 2	3	KTCN-TC
			Các môn tự chọn Vật liệu polymer dệt (*) Composite dệt (*) Sản phẩm da thuộc trong dệt may Công nghệ may thông minh Vật liệu tiên tiến trong ngành may		

(*): Khối kiến thức/môn học Thạc sĩ mà sinh viên học, nếu đạt sẽ được dùng để xét miễn khối kiến thức/môn học đại học trong CTĐT đại học tại mục 1. Xem bảng trong mục 3.

❖ Năm học II: 24 TC

Học kỳ 3 – 12 TC			Học kỳ 4 – 12 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Công nghệ may hiện đại	3	KTCN-BB	Luận văn thạc sĩ	12	LV
Vật liệu dệt chức năng thông minh (*)	3	KTCN-BB			
Tự chọn 3	3	KTCN-BB			
Tự chọn 4	3	KTCN-BB			
Các môn tự chọn Tự động hóa trong dệt may (*)					

An toàn và phát triển bền vững trong dệt may Động học nhuộm Công nghệ hoàn tất hiện đại (*) Khoa học quản lý trong dệt may (*)					
---	--	--	--	--	--

(*): Khối kiến thức/môn học Thạc sĩ mà sinh viên học, nếu đạt sẽ được dùng để xét miễn khối kiến thức/môn học đại học trong CTĐT đại học tại mục 1. Xem bảng trong mục 3.

3. Danh sách các môn học/khối kiến thức của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ giảng dạy trong phần trình độ đại học:

Khi sinh viên học, đạt môn học/khối kiến thức trong CTĐT Thạc sĩ, các môn học/khối kiến thức này sẽ được dùng để xét miễn khối kiến thức/môn học đại học trong CTĐT đại học tại mục 1.

Chương trình đào tạo Thạc sĩ			Chương trình đào tạo đại học		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Nhóm kiến thức/môn học 1 (3 tín chỉ)					
Vật liệu polymer dệt	3	BB	Công nghệ không dệt	3	BB
Nhóm kiến thức/môn học 2 (6 tín chỉ)					
Công nghệ hoàn tất hiện đại	3	TC	Công nghệ hoàn tất vải	3	TC
Động học nhuộm	3	TC	Hóa học thuốc nhuộm	3	BB
Nhóm kiến thức/môn học 3 (9 tín chỉ)					
Tự động hóa trong dệt may	3	TC	Thiết bị sợi dệt	3	BB
Vật liệu dệt chức năng thông minh	3	BB	Vật liệu dệt hiệu năng cao	3	TC
Composite dệt	3	TC	Cấu trúc vải	4	TC

Nhóm kiến thức/môn học 4 (3 tín chỉ)					
Khoa học quản lý trong dệt may	3	BB	Môn ĐH Quản lý sản xuất	3	TC
			Môn ĐH Tối ưu hóa và Quy hoạch thực nghiệm	3	TC

4. Đối tượng, tiêu chí và thời gian xét tuyển

- Người dự tuyển là sinh viên từ năm 3, có điểm trung bình tích lũy đến thời điểm xét tuyển đạt loại khá trở lên (điểm trung bình tích lũy từ 7.0 điểm trở lên, theo thang điểm 10), có số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 60.
- Thời gian xét tuyển: tại giữa học kỳ 4 của chương trình đào tạo đại học.